

# LIÊN HOA

## VĂN TẬP

THÁNG MƯỜI MỘT ĐINH-DẬU

NĂM THỨ BA SỐ

11

# LIÊN-HOÀ

## VĂN TẬP

---

MỤC LỤC SỐ 11

RẪM THÁNG 11 ĐINH-DẬU

---

PHONG-TRÀO GIÁO-DỤC ĐẠO-ĐỨC Ở NHẬT

*THÍCH THIÊN-ÂN*

CẢM NIỆM NGÀY KHÁNH-ĐẢN *THÍCH-NỮ CÁT-TƯỜNG*

THIỆN ÁC NGHIỆP BÁO *T. M. C.*

LIỀU-QUÁN TỒ-SU *Thích THIỆN-BÌNH*

THUYỀN VỀ BẾN CŨ (Thơ) *NGỌC-HUYNH*

GIÒNG TÂM-THỨC *THÍCH MINH-CHÂU*

CUỘC THẢO LUẬN *Bác-sĩ AN-LA-CHI*

EM LỄ PHẬT VÀ TỤNG KINH *ĐỨC-THƯƠNG*

CON GÀ TRỐNG (Mẫu chuyện) *NGUYỄN-THÁI*

TRONG ĐÊM VẮNG (Thơ) *HUYỄN-KHÔNG*

DANH TỪ PHẬT-GIÁO *ĐOAN-HẠNH*

TIN TỨC

BỨC THƯ CỦA NGÀI

# HÒA-THƯỢNG THUYỀN-TÔN

## VIỆN-TRƯỞNG PHẬT-HỌC-VIÊN

Kính gửi toàn thể Tăng-Đồ và Tín-Đồ,

Khi bức thư của tôi gửi đến tay các người thì những vé số Phật-Giáo cũng đã được phát-hành. Đó là vé số do 2 ban Tông-Trị-Sự Phật-Giáo Trung-Phần tổ-chức, mục đích để xây-dựng Phật-Học-Viện (đặt ở Nha-Trang), đào tạo tương lai cho Đạo-pháp, khiến Đạo-pháp có người gánh vác, sứ mạng của Phật có người đảm nhận.

Trông mong toàn thể Tăng-đồ và Tín-đồ vừa mua, vừa cò động, vừa phát-hành những vé số Phật-Giáo này. Cuộc xổ số kỳ này nếu kết quả viên mãn, là do công đức và đạo niệm của toàn thể Tăng-Đồ và Tín-Đồ vậy.

NAM-MÔ BỒN-SƯ THÍCH-CA MÃU-NI-PHẬT.

Vé số Phật giáo có phát-hành khắp các Chùa trong Giáo-Hội và các Tỉnh-Hội, Khuôn-Hội Phật-Giáo tại Trung-Phần.

Ngày mở số: 2 tháng 6 năm 1958 tức là 15 tháng 4 năm Mậu-Tuất tại Huế.

— LÔ ĐỘC-ĐẶC	: 1 XE HƠI HOA-KỶ	trị giá: 300.000\$00
— Lô thứ NHÌ	: 1 Máy dẫn thủy nhập điện	» 80.000,00
— Lô thứ BA	: 1 Xe Mô-tô	» 35.000,00
— Lô thứ TƯ	: 1 Xe Scooter	» 25.000,00
— Lô thứ NĂM	: 1 Máy phát điện	» 20.000,00
— Lô thứ 6-7-8	: Mỗi lô trúng 1 máy may trị giá 5.000\$ x 3 lô	» 15.000,00
— Lô thứ 9-10-11	: Mỗi lô trúng 1 máy đánh chữ » 5.000\$ x 3 lô	» 15.000,00
— Lô thứ 12-13-14	: Mỗi lô trúng 1 Radio » 5.000\$ x 3 lô	» 15.000,00
— Lô thứ 15 đến thứ 44:	Mỗi lô trúng 1 Xe đạp » 2.500\$ x 30 lô	» 75.000,00

Và trên 3.000 lô khác trúng những vật thiết dụng.

Quá hạn 3 tháng sau ngày mở số, những số trúng mà không lãnh thì thuộc quyền sở hữu của Hội Phật-Giáo Việt-Nam tại Trung-Phần.

# PHONG TRÀO GIÁO-DỤC ĐẠO ĐỨC Ở NHẬT

**H**ậu-quả của chiến-tranh là đưa con người đến làm-than, đau-khổ và tang-tóc; Hậu-quả của chiến-tranh là đưa quốc-gia, thế-giới đến sự lũng-đoạn kinh-tế, khủng-hoảng tinh-thần. Đó là công-lệ chung, nên không một quốc-gia nào đã trải qua một thời-gian chinh-chiến mà không trải qua hai trạng thái đó.

Như chúng ta đã biết: Nhật-Bản là một nước đã bại chiến trong thời-kỳ đại-chiến thế-giới lần thứ hai. Khi vừa mới bại chiến thì Nhật-bản là một nước đã kiệt-quệ về nền kinh-tế. Kiệt-quệ cho đến nỗi người ta tưởng rằng: nếu không nhờ sự viện-trợ của ngoại-quốc, Nhật-Bản không còn sinh-lực để tồn-tại được. Nhưng sau hơn 10 năm chỉnh-lý, tu-bổ và kiến-thiết lại, ngày nay các guồng máy trong xã hội đã chạy đều, và tất cả bộ mặt hào-hoa phong-nhã, cùng sự giàu mạnh của một dân-tộc biết quật-cường đang phôi-diễn khắp từ thành-thị đến thôn-quê. Điều ấy chứng tỏ rằng: nền kinh-tế của Nhật-Bản đang được phục hưng triệt-đề.

Song song với nền kinh-tế phục-hưng, cùng chịu ảnh hưởng của nền văn-minh ngoại-lai do chiến-tranh đem lại, gần đây có một số thanh-niên nam-nữ Nhật-Bản đang thi đua nhau chạy theo đà vật-dục, quên hẳn cả bản-sắc thuần túy của một dân-tộc Đông-phương. Nhận thấy phong-trào ấy có nguy-hại cho tiền-đồ của tổ-quốc, nên chính-phủ Nhật Bản đã kịp thời tìm mọi biện-pháp thích-đáng để cản-ngăn phong-trào ấy một cách rất có hiệu quả. Một trong những biện-pháp hữu-hiệu ấy là: nới rộng hiến-pháp cho các tôn-giáo và các tổ-chức văn-hóa hoạt-động tự-do. Ngoài ra, chính-phủ còn đề-tam khuyến-khích, cổ-võ các tôn-giáo chính-đáng hoạt-động mạnh-mẽ trong sự truyền-giáo để đưa con người đến chỗ chí-thiện. Vì lẽ ấy, nên trước đây mấy tháng, Tổng-hội toàn-quốc Phật-giáo Nhật-Bản đã được chính-phủ thừa-nhận là một tôn-giáo chính-thống của dân-tộc, đủ thẩm-quyền hoạt-động tự-do trong khuôn-khở truyền-bá chánh pháp, giáo-hóa nhân-dân. Hiện tại phong-trào Phật-giáo, nhất là các tổ-chức thanh-niên nam-nữ Phật-tử đang lên mạnh, một phần lớn cũng do điểm này.

Bên cạnh sự nâng-đỡ và khuyến-cáo các tôn-giáo trong sự truyền-giáo ấy, chánh-phủ còn đặc-biệt chú-trọng đến vấn đề đạo-đức giáo-dục. Phương-pháp đạo-đức giáo-dục này là lấy xã-hội và học đường làm trung-tâm. Mỗi tổ-chức xã-hội, cũng như mỗi học đường kể từ Tiểu-học, Trung-học, Cao-đẳng cho đến Đại-học là một nơi đề-nấn đức các thanh-niên nam-nữ trong khuôn-khở giáo-dục của nền luân lý đạo-đức Đông-phương. Trọng-điểm của nền đạo-đức giáo-dục này là lấy Phật-giáo làm căn bản. Trước khi ứng-dụng phương-pháp đạo-đức giáo-dục này ở xã-hội và học-đường, bộ Quốc-gia giáo-dục Nhật-Bản đã phái người đi khắp các địa-phương để thí-nghiệm. Và những cuộc thí-nghiệm ấy đã đưa đến những kết quả tốt đẹp, nên Bộ đã quyết-định thật hành. Và bây giờ, vấn đề đạo-đức giáo-dục ấy đã trở thành một phong-trào đang lớn mạnh khắp ở các tổ-chức xã-hội và các học-đường trên toàn-quốc Nhật-Bản.



Ở đây chúng ta cũng nên nhớ rằng: phương pháp đạo đức giáo-dục này là dựa trên các phương-diện lịch-sử, địa dư và trạng huống xã-hội của Nhật-Bản hiện-thời mà thành lập, nên có thể không thích hợp với các nước khác. Tuy thế, tôi cũng xin trích dịch ra đây để cống hiến các nhà hữu tâm đối với nền đạo đức giáo dục của nước nhà, nhất là các vị phụ trách về ngành giáo dục trong Phật-giáo.

Mục đích của phương pháp giáo dục ấy là đào tạo các giới thanh-niên nam-nữ sống có kỹ-luật, trau dồi nhân cách và tôn trọng nhân quyền. Đào tạo thanh niên trong khuôn khổ ấy đề hướng về 3 tiêu điểm:

- 1) Tích cực sáng tạo cho đời sống mới.
- 2) Cải tiến sanh hoạt của xã-hội.
- 3) Thống nhất hành động ý chí để phục vụ nhân sanh.

Và dưới đây là những chi tiết phụ đề nắn đúc, huấn luyện thanh niên thực hiện 3 tiêu điểm ấy.

### **I. — Tôn-trọng thân-mạng, bảo-toàn và phát-triển sức-khỏe.**

- a) Giữ gìn thân thể mạnh khỏe, sống có điều độ có phương pháp.
- b) Sống hợp vệ sinh, luôn luôn tắm rửa sạch-sẽ.
- c) Không khen chê ngon dở, chỉ ăn những vật đủ chất bổ để sống.
- d) Siêng năng vận-động thể-thao; biết thưởng thức những thú vui thanh nhã trong lúc nhàn rỗi.
- e) Luôn luôn giữ đúng quy luật đi đường, không để các tai nạn xe cộ xảy đến.

### **II. — Phát-triển khả-năng lý-trí, tìm-hiểu sự-thật:**

- a) Kiểm thảo tư tưởng của mình và luôn luôn chú trọng tìm hiểu sự thật.
- b) Không công nhận một cách mù quáng những tập tục của nghìn xưa để lại; trái lại, luôn luôn phán đoán, suy tưởng và hành động theo những điều hợp lý.

### **III. - Nới rộng tình-cảm lương-năng để cho cuộc sống thêm dồi-dào ý-vị.**

a) Trong lòng luôn luôn nuôi những hy vọng cao đẹp để cho cuộc đời thêm nhiều ý-nghĩa.

b) Nghệ-thuật-hóa cuộc sống, để nâng cao trình độ văn-hóa của nhân-sanh.

c) Tin-tưởng và tôn-sùng một tôn-giáo sau khi đã lý hội tôn-giáo ấy là: chính đáng, hữu-ích.

### **IV. Cương-nghị trọng ý-chí và quả-cảm nơi hành-động:**

a) Không ý lại vào kẻ khác, tích cực hành động một cách tự-chủ.

b) Không bỏ dở chí hướng và hoàn toàn chịu trách nhiệm hành động của mình.

c) Thành-ý trong công việc và nhiệt tâm đối với các hoạt động có ích chung.

d) Không băn khoăn lo sợ vu vơ, luôn luôn quả cảm và tự tín.

e) Thắng phục các sự mê hoặc cám dỗ bên ngoài, và luôn luôn chú trọng phản tỉnh về phần lý-tánh ở nội tâm.

### **V. - Cần-cù với công-vụ, cố gắng nâng-cao năng-xuất sản-xuất về kinh-tế:**

a) Trung thành với chức nghiệp, công vụ, chuyên cần vui vẻ trong khi làm việc.

b) Nghiên cứu kỹ năng làm việc để nâng cao năng xuất sản xuất.

c) Hiểu rõ giá-trị của đồ vật và giữ gìn sử dụng các đồ vật ấy một cách hợp pháp.

d) lập sổ chi thu hằng ngày, và bao giờ cũng giữ cho số thu nhiều hơn số chi, để có chỗ dành dụm, cất chứa.

### **VI. - Thắt-chặt tình thân-ái để cho gia-đình được hòa-thuận vui-vẻ.**

a) Tôn-trọng giá-trị và lập-trường của nhau, để cho không khí của gia-đình được đầm ấm vui vẻ.

b) Mỗi nhân viên trong gia tộc, cũng như mỗi phần tử trong gia đình, ai ai cũng phải chuyên cần làm việc để hiệp lực chung sống.

c) Nói rộng tình yêu thương của gia đình để được trên hòa dưới thuận.

### **VII. — Tôn-trọng giá-trị nhân-cách của kẻ khác, cộng-đồng sanh-hoạt trong tinh-thần dân-chủ:**

a) Tôn-trọng phẩm cách của người khác, và luôn luôn đối xử một cách khiêm nhường lễ độ.

b) Khi bàn cãi một vấn đề gì, thái độ bao giờ cũng khoan dung điềm đạm, và chịu tiếp nhận ý kiến lập trường của người khác.

c) Không nghĩ đến sự thiệt hại riêng, chỉ nhắm đến lợi ích chung mà hành động.

d) Ý thức được sự quan hệ mật thiết của xã-hội, và luôn luôn chịu khó làm lụng, cải thiện về ngành hoạt động của mình.

e) Vui mừng đem năng lực công tác của mình, để cống hiến vào guồng máy sinh hoạt của xã-hội.

g) Phản đối các sự áp bức bất công bằng bạo lực, và luôn luôn ủng hộ tán trợ những đề nghị giải pháp hòa-bình.

### **VIII. — Trau-dồi ý-chí hướng-thượng, và phục-vụ xã-hội chánh-nghĩa:**

a) Lý giải tường tận các vấn đề xã hội, và phán đoán phê bình một cách công bình chánh xác.

b) Luôn luôn yêu chuộng xã hội chánh nghĩa và nỗ lực hành động để phục vụ xã hội ấy.

c) Triệt để tuân hành luật pháp, bảo tồn thuần phong mỹ tục.

d) Tôn trọng chánh nghĩa, không bao giờ xâm phạm đến quyền sở hữu của kẻ khác.



e) Giữ gìn các vật dụng công cộng, và duy trì các di vật thiêng liêng như chùa chiền, miếu vũ.

g) Cùng nhau chung sức hợp lòng để hoán cải hoàn cảnh xã hội trở thành thiện mỹ.

### **IX. — Nuôi lớn lòng yêu nước và tự giác được sứ-mệnh của Quốc-gia đối với Quốc-tế:**

a) Trung thành với nòi giống dân tộc, yêu mến quốc độ hương thôn và luôn luôn nỗ lực làm cho nước giàu dân mạnh.

b) Bảo tồn những truyền thống của tổ tiên để lại, và cố gắng phát triển sáng tạo thêm, để làm cho nền văn hóa của nước nhà thêm dồi dào phong phú.

c) Tìm hiểu các dân tộc trên thế giới, và luôn luôn cố gắng hướng đến mục tiêu Quốc tế hòa-bình thân thiện.

d) Phản đối tất cả các cuộc thí nghiệm về chiến tranh nguyên tử.

e) Mỗi thanh-niên phải là một trụ chốt của hòa-bình nhân loại, và cũng phải là một gương sáng để biểu dương tinh thần cao quý của nền đạo đức giáo dục.

Trên đây là những chi tiết của nền đạo đức giáo dục Nhật-Bản. Sự giáo dục này hiện đang được áp dụng triệt để ở khắp các ngành hoạt động xã hội, nhất là ở các học đường. Cũng nhờ thế mà đã đưa dân tộc Nhật-Bản vượt qua những thử thách của thời đại để đi đến một địa vị như ngày nay.

Nước Việt-Nam chúng ta cũng đã trải qua một thời kỳ chinh chiến, có lẽ cũng không tránh khỏi được những hậu quả tai hại của chiến tranh. Vì thế, tôi sưu tầm biên soạn bài này, mong rằng nó sẽ là một tài liệu nghiên cứu không những cho hàng Phật-tử, mà còn cho những người hữu trách đối với vấn đề giáo dục ở nước nhà.

*Thích THIÊN-ÁN*

## CẢM-NIỆM NGÀY KHÁNH-ĐẢN BỨC PHẬT

# A - DI - ĐÀ

Đốt nén tâm hương, xông-ngôi bút tịnh, con cúi đầu kính cẩn dâng lên mấy lời tha thiết xuất tự đáy lòng, để cảm niệm ngày Khánh-đản Ngài.

Ngày 17 tháng 11 đối với toàn thể Phật-tử trên thế-giới, tuy không rầm-rộ như ngày 8 tháng 4, song riêng với phần con thì con cảm thấy một niềm ấm áp vô biên đã đến với con giữa mùa giá lạnh, vì con còn nhớ rõ hai câu trong kinh Di-Đà Sớ: « Chúng sanh nổi chìm trong bể khổ, đức Phật luôn luôn đuổi tay cứu-vớt; chúng sanh say đắm theo trần lao, thờ ơ với giác tánh, đức Phật chạnh lòng trông nhớ, như mẹ hiền dựa cửa chờ con » Con cảm động đến tràn nước mắt. Nhưng than ơi! chúng sanh đã say mê danh lợi, thân còn không nhớ, nữa là mẹ hiền! chúng sanh đương lặn lộn trong bể ái-sống-tình, thực khó mà vươn mình lên được!

Lạy Phật! con nay cũng là một chúng sanh trong vô số chúng sanh, nhưng nếu không nhờ Phật thì chắc con cũng đương lang-thang giữa chợ đời đông đúc, quanh-quần trước những tử-kinh vô-thường bóng-loáng: danh-vọng, tình-ái, tiền-tài, sắc-đẹp v.v... người ta trang hoàng khéo quá, mỹ-thật quá, dễ quyến rũ bao tâm-hồn non nớt như con! rồi một khi đã chệnh-choáng men danh-lợi, say-sưa bả ái-tình thì thật không còn sợ gì hăm hồ sanh tử nữa, để rồi một ngày nào đó, khi người ta lấp vùi dưới ba tấc đất, gạt vội hai hàng lệ và tự hỏi: Ôi người đời chỉ có thể thời x! .. cha mẹ sanh ra, qua thời trướng nước, đến tuổi trưởng thành mê công danh, gây tình ái, say của cải v. v .. không bao lâu thì danh vọng đã hạ màn, tuổi già lụm - cụp bước ra, lật đật

theo sau là cái bệnh, rồi cái chết... Chao ôi! té ra danh vọng, ái tình, tiền tài, sắc đẹp không bảo đảm được cái sống cho con người ư? Nếu con người chỉ sống với bấy nhiêu thì thật vô vị quá!

Song ở đây người ta quan niệm cái chết của con người như vậy chưa đủ, vì nếu con người sống chỉ để cầu công danh, vui tình ái và cái của cải, rồi đến chết thì chẳng những vô vị cho hiện tại, mà còn đem cái vô vị ấy đến tột đời vị lai, và còn kèm thêm bao nhiêu khổ não âu sầu.

Cũng vì thế, nên sau khi đức Phật Thích-Ca thành đạo, Ngài đã đưa ra vô số phương pháp tu hành, nhưng thích hợp nhất với con là phương pháp tu tịnh nghiệp cầu vắng sanh, vì con nhận thấy nếu không nhờ tha lực (Phật hộ trì) thì trên đường tu niệm khó bề thành tựu, cũng như cây kim tuy nhỏ bé mà rơi xuống nước thì chìm liền (không nhờ Phật lực) tảng đá tuy lớn mà nhờ thuyền bè chuyên chở cũng có thể đến nơi xa. Nghiệp lực của chúng sanh cũng vậy, nếu không nhờ thuyền-từ của Phật thì làm sao lên bờ giác được?

Vì thế, cứ mỗi độ đông về, ngày đản Ngài xuất hiện, lòng con lại cảm thấy lâng lâng một niềm vui, mặc dầu hiện nay con đang bơ vơ nơi khách địa (cỏi Ta-Bà) nhưng trên nẻo đường về cố hương (cỏi Cực-lạc) con đã đặt bước. Song mỗi lúc quay đầu nhìn lại biển khổ mênh - mông, sóng khổ chấp-chồng, đang dạn chìm vô số chúng sanh, lòng con lại ngậm-ngùi thương xót. Nhưng biết làm sao đây, khi con tự thấy mình đức tài còn kém, chẳng khác chi người lái thuyền chưa vững giữa biển cả sóng gió, vì thế con chỉ biết niệm Phật cầu Phật cho con và tất cả chúng sanh biết vươn mình ra khỏi sóng mê, có như vậy, mới mau thanh-toán được nỗi đau khổ, đề tiến lên thế-giới an lành cực-lạc.

**Nam - Mô A - Di - Đà Phật**

Thích - Nữ CÁT - TƯỜNG

---



# THIỆN ÁC NGHIỆP BÁO

---



## I.— LỜI NÓI ĐẦU

Con người ở đời, vui buồn, sang giàu, ngu dốt, mỗi người mỗi tánh tình, mỗi người mỗi hoàn cảnh, riêng biệt sai khác nhau. Nguyên nhân chỉ vì mỗi người tạo nghiệp riêng biệt, và chính *nghiệp* tác động và chi phối tất cả. Bài « thiện ác nghiệp báo » này, sẽ phân tách các nhân, chia chẻ các quả, nhấn mạnh ở sự liên lạc và sức mạnh của những nghiệp nhân và nghiệp quả.

## II. — ĐỊNH NGHĨA

*Thiện* nghĩa là lành, tốt, là việc gì hợp lý có lợi cho mình và cho người ở hiện tại và tương lai. *Ác* nghĩa là dữ, là xấu, là những việc gì trái lý, có hại cho mình và cho người ở hiện tại và tương lai. *Nghiệp* là những hành động về thân, miệng và ý, tạo thành những sức mạnh chi phối tự thân và hoàn cảnh. *Báo* là quả báo, nghĩa



là những kết quả do các *ngiệp* nhân tạo tác. *Thiện ác quả báo* là sự *kết quả báo ứng* của những *ngiệp thiện* và *ngiệp ác* do tự thân tạo ra và tự mình hưởng chịu cùng hoàn cảnh xung quanh. Nghĩa là nếu con người tạo những *ngiệp nhân thiện* thì được quả báo *thiện* tạo những *ngiệp nhân ác* thì bị quả báo *ác*, không bao giờ sai chạy.

*Ví dụ*: Mình tử tế với người, thì người tử tế với mình; do tạo *ngiệp nhân thiện* tử tế với người nên được quả báo *thiện*, người tử tế với mình. Có ác ý hại người thì người sẽ hại mình; do tạo *ngiệp nhân ác* hại người, nên bị quả báo *ác* người hại mình.

### III.— NGHĨA CHỮ THIÊN ÁC :

Nghĩa chữ *thiên ác* không được minh định rõ ràng, *thiên ác* theo nghĩa thế gian và quan niệm *thiên ác* theo đạo Phật có thể sai khác.

#### A.— THIÊN ÁC THEO THẾ GIAN :

a) *Thiên ác theo phong tục*: tùy theo phong tục, đúng với thói quen thì cho là *thiện*, dẫu trái với lẽ phải. Như ở Châu-phi, con cái giết cha mẹ già ăn thịt là *thiện*, xừ mình ngày xưa, cha mẹ mất, giết trâu bò tế lễ cho là việc phải, thành thử đối với phong tục là *thiện*, mà xét theo lý luận đúng đắn thì phải cho là *ác*. Phong tục mỗi xứ mỗi khác, phán đoán về phương diện phong tục thì nhắm mắt theo phong tục là *thiện*, trái với phong tục là *ác*, lối phán đoán như vậy không có chuẩn đích không thể đúng đắn được.

b) *Thiên ác theo hình luật*: hình luật cốt đem lại sự trị an trong một nước, những việc gì trái với hình luật thì gọi là *ác* và bị trừng trị. Những việc gì không phạm đến hình luật thì cho là phải, và khỏi bị trách phạt. Như vậy những điều *ác* quyết là *ác*, những điều *thiện* vị tất là *thiện*. Vả lại, những điều *ác* trong tâm thì ra ngoài phạm vi hình luật, vì không có bằng cứ rõ ràng. Hơn nữa hình luật đặt ra để mưu sự trị an và sự phồn thịnh cho một nước, thì rất có thể những hình luật ấy có thể mưu hại nước khác hoặc dung túng những sự sai lầm cho dân trong nước, miễn rằng việc ấy đem lại sự lợi ích cho nước mình là được. Do đó nghĩa chữ *thiên ác* không được rõ ràng.

c) *Thiện ác theo thần giáo*: Lại như các thần giáo tuy rất chú trọng các điều thiện ác và muốn sửa trị tâm bịnh loài người, nhưng phần nhiều cũng chỉ phán đoán sự thiện ác trong phạm vi nhơn loại. Các thần giáo thường dạy rằng: «Kính mến các vị thiên thần tạo hóa là thiện, không tin các vị tạo hóa thiên thần là ác». Mỗi thần giáo đều có mỗi vị tạo hóa, mỗi vị thiên thần khác nhau, làm cho người không biết lấy gì làm thiện ác. Huống chi nếu vì kính mến các vị tạo-hóa, các vị thiên thần mà phản lại lợi ích chung, làm tổn hại cho các sinh vật khác, thì không thể gọi là thiện. Trái lại, đánh đổ những lối tín ngưỡng mơ hồ, làm cho nhơn loại biết đường chơn chánh mà xu hướng, thì không thể gọi là ác được. Như vậy lối phán đoán thiện ác theo thần giáo cũng chưa được hoàn toàn.

d) *Thiện ác theo đạo Phật*: Đạo Phật định nghĩa thiện là những việc gì hợp lý, có lợi cho người và cho mình trong hiện tại và tương lai; *chữ ác* là những việc gì trái lý có hại cho người và cho mình trong hiện tại và tương lai. Theo thế gian pháp và xuất thế gian pháp có thể chia việc thiện ác ra ba loại: hữu-lậu-ác, hữu-lậu-thiện, và vô lậu thiện.

1/ *Hữu lậu ác* là những hành động độc ác khiến loài người bị đọa lạc trong sự luân hồi sanh tử. Hữu-lậu-ác thì nhiều nhưng không ngoài 5 điều nghịch và mười điều ác. Năm điều nghịch là: giết cha, giết mẹ, giết các vị A-la-hán, phá hòa hiệp Tăng và làm thân Phật chảy máu; mười điều ác là: sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, nói láo, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, nói lời độc ác, tham, sân, si. Năm điều nghịch và 10 điều ác này nhất định làm tổn hại cho mình và cho người, phải bị đọa lạc trong sự khổ sở luân hồi cho nên gọi hữu lậu ác.

2/ *Hữu lậu thiện* là những điều lành, tuy có thể làm cho mình và người được hưởng những quả báo lành, nhưng chưa có thể giải thoát con người khỏi phải đọa lạc trong đường sanh tử, nên gọi là *hữu lậu thiện*. Hữu-lậu-thiện có thể chia làm hai loại, một là « *chỉ thiện* », nghĩa là dừng nghỉ, không làm các việc ác, như không làm năm điều nghịch và 10 điều ác; hai là « *tác thiện* » là làm mười điều lành là phóng sanh, bố thí, tịnh hạnh, nói lời chân thật, nói lời ngay thẳng, nói lời dịu ngọt, nói lời phân giải, từ bi, nhẫn nhục, suy nghĩ chánh lý.

3/ *Vô lậu thiện*, Các việc lành trên đối đãi các việc ác nên gọi là thiện, nhưng còn ngã chấp chủ động, còn hy vọng quả báo chưa có thể làm cho người khỏi phải sống chết luân hồi, nên chưa rốt ráo là thiện. Chỉ có những việc thiện tuyệt đối, không có ngã chấp chủ động, không hy vọng có quả báo, thuận tánh khởi dụng, hợp với thực-tướng, rõ suốt Viên-lý là thiện, trái với thực tướng, chấp trước Viên-lý gọi là ác; chỉ có hàng Viên-giáo Bồ tát và chư Phật mới hành thiện một cách rốt ráo chân thật mà thôi.

#### IV. — NGHĨA CHỮ NGHIỆP :

A. — ĐỊNH DANH : Nghiệp tiếng phạn là Karma, Tàu dịch là tạo tác, nghĩa là những tác động về thân, về miệng, về ý tạo thành những sức mạnh chi phối tự thân và hoàn cảnh.

B. — CAC MÓN NGHIỆP : Nghiệp về nhân có ba : một là *ý nghiệp* là ý suy nghĩ, hai là *khẩu nghiệp* là miệng nói ra tiếng, ba là *thân nghiệp* là thân làm các việc.

Lại nghiệp có *Hữu-lậu-nghiệp* là những nghiệp khiến con người trôi lăn trong biển sanh tử, *bất-động-nghiệp* là nghiệp của hàng chư Thiên ở Sắc-giới và Vô sắc-giới thiên, tâm thường thuyên định, tùy theo sức định mà thọ quả trên thượng giới, quyết không biến-động, *Bất-tư-nghì-nghiệp* là nghiệp của các vị đã thấu rõ chân-tâm, tuy không mắc vào một nghiệp nào mà có thể hiện ra hóa thân trong vô số nghiệp mà độ sanh, không thể nghĩ lượng bàn được.

Lại những nghiệp tác động dắt dẫn các người chịu quả báo vào một loại nào gọi là *Dẫn-nghiệp*, như được làm người ở xứ nào thì dẫn sinh quả báo loài người xứ ấy.

Dẫn-nghiệp dắt vào thế giới, dắt vào hơn loại nhưng trong ấy có sự hưởng thọ sai khác, tánh tình khác nhau, thì đó là do *Mãn-nghiệp* chi-phối khác nhau.

(còn một kỳ nữa)

# LIÊU-QUÁN

## TỔ SỬ

**T**ÍN-đồ Phật-Giáo Việt-Nam, nhất là Tín-đồ miền Trung, dù ít dù nhiều ai ai cũng nghe đến danh tiếng Ngài Liêu-Quán Có những Tín-đồ vì lòng thành kính quá thiết tha, nên dù xa xôi cũng lặn lội tìm về chiêm ngưỡng bảo tháp của Ngài.

Phật-Giáo Việt-Nam ngày nay đã tiến triển đến một bước khá quan như thế này, công đức Ngài cũng không phải nhỏ.

Ngày 22 tháng 11 này là húy-nhật của Ngài. Chúng ta hãy thành kính đọc lại trang sử đời Ngài, hầu noi gương Ngài trên bước đường phụng-sự Chánh-Pháp.

Ngài người họ Lê húy là Thiệt-Diệu, người làng Bạch-Mã, Huyện Đồng-Xuân Tỉnh Phú-Yên.

Năm lên sáu tuổi, Mẹ Ngài qua đời, Ngài xin phép phụ thân đến xuất gia tu học với Ngài Tế-Viên Hòa-Thượng (người Tàu). Trải qua bảy năm Hòa-Thượng viên tịch. Chí học đạo thức giục, Ngài lại tìm ra Thuận-Hóa tham học với Ngài Giác-Phong Hòa-Thượng (người Tàu) ở chùa Báo-Quốc.



Sau đó một năm (năm Tân-Mùi 1691) Thân sinh Ngài già yếu, gia đình thiếu người phụng dưỡng. đề đền đáp công ân sanh thành dưỡng dục Ngài trở về cố hương phụng dưỡng cha già. Trải qua bốn năm, ngày ngày Ngài phải vào núi đốn củi để độ nhật.

Đến năm Ất-Hợi (1695) Thân sinh Ngài tạ thế, Ngài trở ra Thuận-Hóa thọ giới Sa-di với Ngài Thạch Liêm Hòa-Thượng (người Tàu). Qua năm Đinh-Sửu (1697) Ngài thọ Giới Cụ-Túc với Ngài Từ-Lâm Hòa-Thượng (người Tàu).

Muốn sự tu học đạt đến chỗ cứu cánh, năm Kỷ-Mão (1699) Ngài đi tham cứu khắp các thuyền Lâm. Qua năm Nhâm-Ngọ (1702) Ngài đến chùa Long-Sơn cầu học pháp Tham-thuyền với Ngài Từ-Dung Hòa-Thượng (người Tàu) (Ngài tỏ khai sơn chùa Từ-Đàm tại Huế.)

Cơ duyên hóa độ đã đến. Ngài không nề khó nhọc, suốt mấy năm (1733-1735) thọ lời thỉnh cầu của các Ngài trong Giáo-Hội và các hàng cư-sĩ dự luôn bốn lễ Đại Giới Đàn, xong rồi Ngài qua lập chùa Viên-Thông dưới chân núi Ngự-Bình để tu niệm và giáo-hóa.

Đến năm Canh-Thân (1740) Ngài tấn Đàn-Long-Hoa phóng-giới, rồi về núi Thiên-Thai dựng Thảo-Am tu hành, tức nay là chùa Thuyền-Tôn tại làng An-Cự huyện Hương-thủy tỉnh Thừa-thiên vậy.

Lúc bấy giờ có chúa Nguyễn-Minh-Vương là một Phật-tử thuần thành rất tôn trọng đạo đức, nên thường thường thỉnh Ngài vào cung cầu học Phật-pháp.

Đến mùa Thu năm Nhâm-Tuất (1742) thì Ngài thọ bệnh. Trước khi viên tịch Ngài gọi các Môn đồ đến dạy rằng :

« Nhân duyên đã hết, ta sắp đi đây »

Các Môn-đồ nghe Ngài dạy đều khóc, thấy thế Ngài dạy rằng :

« Các người khóc làm gì? Đức Thế-Tôn ra đời còn nhập Niết-Bàn. Ta nay đi lại rõ ràng, về tất có chỗ, các người không nên buồn khóc làm chi » Dạy xong Ngài viết bài kệ từ biệt :

Thất thập dư niên thế giới trung  
Không không sắc sắc diệt dung thông  
Kim triều nguyệt mãn hoàn gia lý  
Hà tất bồn man vấn tổ tông

*Dịch*

Ngoài bảy mươi năm trong thế giới  
Không không sắc sắc thấy dung thông  
Ngày nay nguyện mãn về quê cũ  
Nào phải ân cần hỏi tổ tông

*Viết bài kệ xong Ngài gọi các Môn-đồ đến dạy thêm rằng :*

*« Sau khi ta viên tịch các người phải nên nghĩ đến con vô thường nhanh chóng, phải siêng năng tu học trí tuệ. Các người hãy cố gắng thật hành, chớ nên bỏ qua lời ta ».*

*Dạy xong Ngài dùng trà rồi vui vẻ từ biệt Môn-đồ. Lúc ấy vào giờ Mùi ngày 22 tháng 11 năm Nhâm-Tuất.*

*Vua Nguyễn Minh Vương nghe tin lấy làm thương tiếc, vì cảm mến tài đức của Ngài, sắc thụy là « ĐẠO HẠNH THỤY CHÁNH GIÁC VIÊN NGỘ HÒA THƯỢNG »*

*Tháp Ngài được dựng trên một triền núi, bên dãy Thiên Thai nằm về phía Đông Nam của chùa giữa một rừng thông rậm rạp. Trước Tháp Ngài, có ghi những chữ « ĐÀM HOA LẠC KHỬ HỮU DƯ HƯƠNG »*

*Đại ý : Ngài tuy viên tịch đã lâu, nhưng đạo đức Ngài vẫn còn vang dội. Như hoa Ưu-dàm tuy đã rụng cánh, nhưng hương tinh vẫn còn ngào ngạt bất diệt ở bốn phương trời. Hai bên có hai câu đối :*

*« Bảo đạt trường minh, bất đoạn môn tiền lưu lục thủy »*

*Pháp thân độc lộ, y nhiên tọa lý khán thanh sơn»  
tạm dịch*

*« Tiếng mõ vang lưng, trước ngõ không ngừng giòng nước biếc »*

*« Pháp thân vòi vọi, quanh tòa cao ngút giấy non xanh »*

*Ngài Liễu-Quán quả thật là một trong những vị danh Tăng Việt Nam và người được đặc truyền Tổ Đạo trước nhất của nước Việt Nam chúng ta vậy. Phái Lâm-Tế ngày nay được lan rộng khắp cả Trung, Nam nước Việt đều là nhờ Ngài vậy. Vì thế cho nên Ngài viên tịch đến nay đã lâu, nhưng tiếng tăm và đạo đức Ngài vẫn còn vang dội, và sẽ còn vang dội mãi mãi trong lòng những ai là người dốc lòng vì chánh pháp.*

Nhatrang mùa Đông 57

T. THIỆN - BÌNH

# THUYỀN VỀ BẾN CŨ

Thơ của NGỌC - HUỠNH

Thuyền đi, đi mãi từ lâu  
Hôm nay cặp bến nước sâu trong ngàn  
Có, không, mấy đám phù vân  
Đổi thay, bẻ thắm mấy làn nương dâu



Thuyền đi, con chưa biết sàu  
Thuyền về, cha đã tóc râu bạc màu  
Sông kia nước vẫn còn trôi  
Trời kia đêm lại, tối rồi sáng ra  
Đố ai tìm được cái ta  
Ấu thơ vú mẹ, nua già gậy ông  
Bốn bề Nam Bắc Tây Đông  
Đố ai tìm một khúc sông hai lần  
Ước ao về bến siêu nhân  
Bắc cầu thông cảm xa gần đó đây  
Buộc thuyền, có Giới làm dây  
Cắm thuyền, có Định làm cây Đạo-tràng  
Mênh-mông biển lặng, huy hoàng trời trong



Trải bao ngày tháng chờ mong  
Thuyền về bến cũ muôn lòng thắm tươi.

# GIÒNG TÂM THỨC

*hay*

## Tâm-lý trong đạo Phật

*Thích MINH-CHÂU*

Tư tưởng con người như giòng nước trôi chảy, từ ý nghĩ này qua ý nghĩ khác, phức tạp và tế nhị. Giải phẫu giòng tư tưởng này, tìm hiểu sự cấu tạo và kết thành của nó, phân tích những phần tử tâm lý gì đã hình thành ra giòng tư tưởng ấy, đó là mục tiêu của Abhidhamma trong đạo Phật, và môn học này ta có thể tạm gọi là môn tâm lý học trong đạo Phật. Giòng tư tưởng ấy, Pali Abhidhamma (Pali A tỳ đạt ma) gọi là cittavithi, dịch là sự diễn tiến của tâm thức, chữ citta dịch là tâm thức gồm các tư tưởng, ý thức cấu thành giòng tư tưởng ấy.

Mỗi tâm thức (citta) ví như làn sóng ngoài biển. Làn sóng nổi lên trên mặt biển, tồn tại một lúc rồi lắng xuống và khiến cho một làn sóng khác nổi lên. Cũng như vậy, một tâm thức nổi lên trên mặt Bhavanga (tiềm thức) được tồn tại và được nhận thức rồi lại lắng xuống và khiến cho một tâm thức khác nổi lên. Như vậy một tâm thức có 3 giai đoạn 1) uppāda: sanh 2) thiti: trú và 3) Bhanga: diệt. Đời sống của một tâm thức, từ khi sanh cho đến khi diệt gọi là một cittakhapa hay một tâm thức sát na. Khi một cảm xúc được thọ lãnh do 5 giác quan,



1) Cảm xúc ấy rung động làn sóng đều đặn của Bhavanga (tiềm-thức) trong một cittakhana (tâm thức sát na) và giai đoạn ấy được gọi là Bhavanga calana (tiềm thức kích động)

2) Rồi giòng tiềm thức ấy dừng lại trong một cittakhana và được gọi Bhavangaupicchada (tiềm thức dứt đoạn).

Rồi cũng với cảm xúc ấy, những tâm thức sát na sau này được tiếp tục từng sát na một, sanh lên rồi lặn xuống mau lẹ ;

3) Pancavajjana : 5 căn chuyển hướng,

4) Cakkhuvinnana hay nhãn thức (hoặc một trong 4 thức khác)

5) Sampaticchana : lãnh thọ thức

6) Santirana : suy đạc thức

7) Votthapana : Xác định thức

8-14) Javana : Tác động thức, lập đi lập lại đến 7 sát na

15-16) Tadalambana : Đồng cảnh thức, ghi giữ sự thực nghiệm trong tiềm thức, lập lại đến 2 sát na.

Xong rồi tâm thức ấy lặn xuống Bhavanga lại.

Như vậy từ Bhavanga calana cho đến khi tâm thức lặn xuống đến đệ nhị tadalambana, có tất cả là 16 tâm thức sát na. Và đó là cả một chương trình diễn tiến của một tâm thức qua 5 căn. Khi ta thấy nghe, nếm hay xúc chạm một vật gì, chúng ta nhận thấy, hàng ngàn cittavithi như vậy ; nhưng vì sự diễn tiến quá mau lẹ thành thử chúng ta không thể nhận thấy những giai đoạn tương tục kết thành giòng tư tưởng ấy.

Vi dụ: sau này sẽ giải thích một cách rõ ràng sự diễn tiến của một tâm thức khi cảm nhận một ngoại vật do 5 căn đưa đến.

Một người nằm ngủ dưới một cây xoài nhiều trái, một trái xoài rơi xuống gần người ấy. Người ấy bỗng thức dậy, tìm xem cái gì đã phá giấc ngủ mình, thấy trái xoài gần bên mình, lượm trái xoài lên, ngửi và quan sát trái xoài, biết được trái xoài đã chín và tốt, người ấy ăn trái xoài ấy.

Ở đây, 1) Giấc ngủ của người ấy ví dụ với trạng thái tâm thức khi chưa bị vật gì xúc chạm, trạng thái tâm thức ấy gọi là Bhavanga hay tiềm thức.

2) « Thức dậy và tìm xem cái gì đã phá giấc ngủ mình » tức là trạng thái tâm thức nửa tỉnh nửa mê khi tự mình tìm kiếm ngoại cảnh xúc chạm đến, là do nhân căn hay nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn hay thân căn. Trạng thái ấy gọi là Pancadvàravajjana hay 5 căn chuyển hường.

3) « Thấy trái xoài » là ví dụ với nhân thức hay một trong 4 thức còn lại. Đây chỉ là một cảm giác suông và giản dị chưa có tư tưởng, ý nghĩ xen lẫn. Cảm giác qua nhân căn gọi là Cakkhuvinnàna (nhân thức) qua nhĩ căn gọi là sotavinnàna (nhĩ thức) qua tỷ căn gọi là ghànavinnàna (Tỷ thức) qua thiệt căn gọi là Jivhàvinnàna (Thiệt thức) qua thân căn gọi là kàyavinnàna (thân thức).

4) « Lượm trái xoài lên » ví dụ với tâm trí thấu nhận ngoại vật. Trạng thái này gọi là Sampaticchana hay lãnh thọ thức.

5) « Ngửi và quan sát trái xoài » là trạng thái tâm thức tìm hiểu ngoại vật với kinh nghiệm quá khứ. Trạng thái này gọi là santirana hay suy đạo thức.

6) « Biết được trái xoài đã chín và tốt » ví dụ với trạng thái tâm thức đã cho ngoại vật ấy một địa vị nhất định trong phạm vi hiểu biết. Trạng thái gọi là votthapana hay xác định thức.

7) « Ăn trái xoài » ví dụ với trạng thái của tâm thức qui chinh ngoại vật hợp với sở dụng của mình. Đây là một trạng thái tâm thức rất linh động, trong ấy người chủ nhân (sujet) hoàn toàn tự nhận thức và quyết định thái độ của mình đối với vật đối tượng. Trạng thái này gọi là Javana hay tác động thức.

Thức này rất quan trọng, vì chính thức này điều động tất cả hành động của con người, khiến người làm thiện làm ác và khiến người sau khi chết phải sanh tử luân hồi, và cũng do thức này mà con người có thể tu thuyền-dịnh và chứng các quả vị thuyền.

(còn tiếp)

# CUỘC THẢO LUẬN

CỦA

*Các Bác-sĩ ở Luân-đôn*

Bác sĩ AN-LA-CHI thuật  
Đ. T. dịch

## III. — Nghiệp quả

(tiếp theo)

Bác-sĩ Tát-Đế-Nhĩ đứng dậy nói: Hỡi Thầy Tỷ-Kheo Bá-Khắc-Sum, việc Thầy vừa nói hình như chưa đầy đủ, Thầy có thể đem chân-lý mà Thầy đã tin tưởng tu chứng tóm tắt tuyên bố cho chúng tôi nghe được không?

Bác-sĩ Bá-Khắc - Sum đáp: lời Bác - sĩ Tát-Đề-Nhĩ rất hay! tôi xin giải đáp, những Chánh pháp mà tôi đã lãnh-hội tu chứng không thể nói hết được, nhưng cũng có Diệu-pháp rất thông thường dễ hiểu, có thể phổ biến được, khiến mọi người nghe đến như dương trời dạt giữa bể khơi gặp thuyền bè đến cứu, như bị cầm tù trong ngục tối được thấy mặt trời; chỉ rõ mọi người đều phải từ sanh rồi đến tử, do tử mà lại sanh, và sanh kiếp này qua kiếp khác, cứ luôn luôn chấp nối cái linh tánh thân mạng, nó chỉ theo nghiệp-lực của mọi người tạo ra: Không sát, không đạo, không dâm, không vọng v.v. (thiện

ngiệp) hay là sát-sanh, trộm-cướp, tà-dâm vọng-ngữ v.v. (ác-ngiệp). Báo thân này hết lại thọ báo thân khác, hoặc làm người, hoặc hóa các loài. Người tạo nhưn lành thì được quả an, vui, phước, thọ, trong cõi trời và người; Người tạo nhưn ác thì chịu quả đau khổ, tội yếu của ngựa-quỷ, súc-sanh. Tánh-linh kéo dài cùng nhau không dứt, thì nghiệp quả cũng chấp-nối không sai. Tánh-linh và nghiệp quả ấy nó lại không biết từ đâu là đầu, mà nó đi cũng không bao giờ cùng tận; nó lớn không gì chở hết, mà nhỏ không sao thấy được. Bởi vậy ba đời lưu-chuyển, sáu kiếp luân-hồi, thế-giới không hạn lượng, chúng sanh không cùng tận, thiệt là một con đường chánh, mà người đời ít ai nhận thức được.

A-Bát-Tur nhà Bác-học khoa Thiên-văn nói : Thầy Tỳ-Khuru Bá-Khắc-Sum nói thế không đúng, theo ý tôi thì không có thế-giới khác, cũng không có trời, tiên, thần, quỷ; đã không có chuyện người chết chuyển-sanh, thì đâu có quả báo tội, phước, khổ, vui chuyển sanh; cho nên Thầy nói người ta có thân mạng và tánh linh trường-lõn, tôi không tin được.

Bá-Khắc-Sum hỏi : Bác-sĩ Ai-Bát-Tur chuyên về khoa-học Thiên-văn, vậy ông nghĩ thế nào ? Những mặt trời, mặt trăng, ngôi sao ở giữa hư-không ngày nay, có phải là trong quả địa-cầu ta ở hay là riêng biệt, là cõi trời, hay cõi người.

A-bát-Tur đáp : những tinh tú ở giữa hư-không và quả địa-cầu ta ở là riêng biệt, là ở cõi khác, có thể nói là cõi Trời không phải cõi người.

Bá-Khắc-Sum nói : xem thế thì biết, ở xứ khác và thời đại khác phải có thế-giới chúng-sanh khác và cũng có việc người ta chuyển-sanh, cho nên thuyết nghiệp-báo thiện, ác, khổ, vui không phải là dối vậy; sao ông lại giữ lấy ác kiến chết rồi là hết, và tà-luận đạo-đức là hư-vô ?

Nhà Luật - học Hanh-Lợi-Tur-Đốc lại nói : Thầy Bá-Khắc-Sum tu rằng đã giải đáp câu hỏi của Bác-sĩ A-Bát-Tur



Đáp, nhưng những việc Thầy nói rằng con người có đời khác và do nghiệp-báo tội hay phước mà chuyển sanh, thời tôi không thể tin được.

Bá-Khắc-Sum nói: này ông bạn Hanh-Lợi-Tư-Đốc, ông căn cứ vào đâu mà nói như vậy?

Hanh-Lợi-Tư-Đốc nói: « Tôi có người em họ, lúc nhỏ thương mến nhau lắm, ngày em tôi bệnh sắp từ-trần, tôi đinh ninh dặn rằng: Anh nghe các nhà tôn-giáo Châu-Âu cũng như Châu-Á thường nói: Loài người hay đua tranh, sát-hại, cướp dặt, gian dâm, lừa dối, đến khi chết phải đọa địa-ngục, nhưng anh chưa tin, bởi vì chưa thấy người nào chết rồi sống lại nói cho biết chỗ họ phải sa đọa; nay anh muốn quyết định tin-tâm mà em là người anh thân-tín, em đã làm những tội lỗi như đã nói trên, nếu lời của các nhà Tôn-giáo nói mà có sự thật, thì sau em có đọa địa-ngục, phải trở về nói cho anh hay, để lòng tin của anh nhờ em mà quyết định, em tôi hoan hỷ nhận lời mà chết, nay đã 3 năm không thấy trở lại nói với tôi một điều gì; nó là người thân tín của tôi, tự nhiên không dối tôi, nó hứa với tôi mà không trở lại, nên tôi biết chắc không có việc đời sau, không có việc chuyển-sanh và cũng không có việc thiện ác quả báo ».

Bá-Khắc-Sum đáp: Ông là một Bác-sĩ Luật-khoa ông rất hiểu luật-pháp, ông thử nghĩ: có một người đến xứ khác trộm cướp, bị người ta bắt được đưa ra Tòa-án, khi Tòa đã xử tù, đưa vào khám, thì người ấy có thể xin với ông Quản-Đốc nhà lao để về xứ thăm bà con nói chuyện cần rồi sẽ vào nhà lao chịu tội được không? lẽ tất nhiên là không được. Cùng một loài người ở chung trên thế-giới này còn vậy, huống chi em ông đầy đầy tội ác, sa vào Địa-ngục, bọn quỷ-tốt là dị-loại, đâu có từ-bi với ai, mà cho em ông trở về nhân-gian để báo cáo đều ông đã dặn dò.

(còn nữa)

# EM LỄ PHẬT VÀ TỤNG KINH

## I.— Ý NGHĨA LỄ PHẬT

Các em đã từng lễ Phật ở Hội-quán, ở Khuôn, ở Chùa... buổi họp nào cũng có lễ Phật trước hết. Nhưng các em có biết lễ Phật có ý nghĩa như thế nào?

Anh, chị trưởng là người đã đi trước các em, là người đã biết nhiều hơn các em thành thử những điều anh chị dạy bảo đều có ý nghĩa cả. Lễ Phật cũng thế. Lễ Phật tức là một cử chỉ tỏ lòng tôn sùng, kính phục và nhớ ơn Đức Phật người đã hy-sinh tất cả để tìm con đường cứu khổ cho chúng sanh. Lễ Phật là tỏ lòng tôn-thờ Tam bảo và đề sám hối tội-lỗi của mình. Lễ Phật còn có nghĩa là tạo một bầu không khí yên-tĩnh để làm lắng-dịu tâm hồn đau khổ v v...

Nhưng không phải có những bàn Phật nguy nga như ở Chùa mới lễ Phật được, mà bàn Phật có thể rất đơn giản nhưng trang-nghiêm, cốt nhất là em phải tỏ hết lòng thành kính. Có khi bàn Phật chỉ là một tấm hình đức Phật với một bát hương, nhưng hương ấy phải là hương lòng của em, nghĩa là do lòng tin tưởng thiết-tha, lòng kính phục chơn thành của em.

## II.— Ý NGHĨA TỤNG NIỆM

Lúc lễ Phật các em còn có tụng kinh niệm Phật. Tụng niệm đó chính là điều đức Phật khuyên chúng mình ; đức Phật rất thương các em. Ngài muốn cho các em tránh khỏi sự đau khổ và được an vui. Ngài muốn các em thay đổi tính tình để trở thành những người hiền lành tốt đẹp.

Tụng niệm là phương pháp Phật dạy cho các em thực hành để được gần Phật. Tụng niệm tức là đọc những kinh Phật, những lời Phật dạy, những danh hiệu Phật hay các vị Bồ-tát, như các em niệm bài Mười phương Phật, niệm danh hiệu Phật v.v... Có khi không cần phải đọc to, chỉ đọc thầm trong miệng là đủ.

Tụng niệm là suy-tưởng đến các vị Phật, các vị Bồ-Tát để tán-thán cúng dường và nguyện theo những lời Phật dạy.

Tụng niệm để nhớ lại những việc em đã làm, sám hối những tội lỗi, nguyện làm những việc lành (Như khi tụng bài sám hối).

Tụng niệm để nhớ đến những hạnh tốt của đức Phật mà noi theo.

Tụng niệm để cầu Phật gia-hộ tiếp độ cho mình (cầu an, cầu siêu). Khi em bị một tai nạn hay một điều gì oan trái, em niệm danh hiệu đức Quán-thế Âm em sẽ đỡ khổ. Đức Phật A-Di-Đà một vị giáo chủ ở Tây phương tịnh độ, trước kia Ngài đã phát thệ những lời nguyện rộng lớn tiếp độ cho tất cả chúng sanh. Em niệm danh hiệu Ngài, em sẽ được thông cảm đến Ngài, và cõi an vui ấy ngày kia em sẽ đến.

## III.— EM NIỆM PHẬT

Nay em đã thấy ý nghĩa cao quý của sự tụng niệm. Em hãy siêng-năng thực hành điều đó đi. Lễ Phật đối với em hơi khó, chứ tụng niệm thì anh chắc rằng bất cứ ai cũng làm được. Vì không những đến trước bàn Phật đốt đèn thắp hương mới có thể tụng niệm hay đọc thật to mới là tụng niệm. Em có thể niệm bất cứ nơi nào và lúc nào không cần phải đọc to chỉ lầm thầm vừa em nghe là đủ. Trước khi đi ngủ hay mỗi lúc dậy em nên để vài phút mà niệm Phật.

Niệm Phật em sẽ được gần Phật, được đức Phật hộ trì cho em, Niệm Phật em sẽ bớt đau khổ.

Niệm Phật em sẽ thay đổi tính tình và làm cho mọi người yêu mến.

ĐỨC THƯƠNG

## MẪU CHUYỆN

# CON GÀ TRỐNG

Nguyễn - Thái

**B**ên cạnh phòng tôi ở, có một bà già. Người ta thường gọi « bà gà ». Là vì bà ta có nuôi một con gà. Giản dị quá, có nuôi một con gà nên mang tên gà, tôi nghĩ may mình không nuôi gì cả, chứ giá mình nuôi một con chó, có lẽ người ta sẽ gọi mình là « ông chó ». Và khi ấy chắc mọi người đều có một tên riêng ngoài cái tên rất đẹp, rất kêu của họ, chẳng hạn như cô Mèo, bà Chuột, ông Chó, cậu Chim, anh Rùa v. v. .

Ấy, hôm mới đến tôi cứ mỉm cười nghĩ như vậy. Và tự thấy rất bằng lòng về cái lẽ không nuôi súc vật của mình đề được suốt đời giữ tên Thái tốt đẹp, thực tình tôi cũng không hiểu chữ Thái có tốt đẹp không, nhưng là cái tên cúng cơm của cha mẹ đã chọn, vãi nữa, đọc lên nghe cũng hay hay, nó nhắc nhở bao nhiêu kỷ niệm xa xưa... nên tôi vẫn thấy đẹp. Và cũng từ đây tôi cố giữ gìn cho thật sạch sẽ, vì bản hay sinh chí, sinh rận, nhờ cặp mắt thiên hạ bắt gặp thì cái tên Thái mỏng manh cuối cùng của mình sẽ



biến mất để thành ông Chí hay ông Rận thì buồn biết mấy. Tôi vốn sợ cái « thiên-hạ » lắm, gặp nhau họ cứ phớt tình, song mình có gì trong chân tơ kẻ tóc họ cũng không lấy làm phiền để bới móc ra trình với đời. Đôi lúc thấy mình không có gì cả họ cũng cứ nghiên chuyện nói cho vui khi nhàn hạ. Niềm vui của « thiên-hạ » chỉ vui cho họ khi vùi mái đầu chúi lại lúc « trà dư tửu hậu » song nó ác nghiệt vô cùng, nó quật mặt mình xuống cho đến khi mình không dám ngược đầu nhìn « thiên-hạ » nữa, như cô dâu chú rể thời xưa, dù trong thâm tâm mình không có gì cả. Tôi vốn sợ « thiên-hạ » là thế ấy.

Nhưng ở đây đã lâu. Nghe người này nói qua, kẻ khác nói lại, tôi hiểu ra tên gà gán cho bà già không giản dị như mình nghĩ, mà còn cả một thiên giai-thoại lết dài sau bước đi của bà gà. Đã từng có phóng viên đến phỏng vấn, chụp ảnh và ảnh bà với đứa con — con gà trống — cũng đã từng in trên mặt báo.

Duyên do chỉ tại bà ta có nuôi một con gà trống. Bên mình nuôi gà để lượm cơm đồ, để vui sân vui vườn, để nghe tiếng gáy rạng đông hay để khi nặng cân đem trình chợ. Song ở đây, bà hàng xóm nuôi gà không phải thế. Vườn sân đâu ở đất Ba-lê, vốn vẹn chỉ một cái phòng con mấy thước vuông ở tầng lầu thứ năm? Có hôm, sau câu chào hỏi, bà ta mời tôi vào phòng thăm con gà trống, bà vẫn nói không hờ:

— Ông phải hiểu, súc vật cũng như trẻ nít vậy, tôi nuôi nó như nuôi con.

Vừa nói bà vừa đưa tay nâng tấm chăn bông trên chiếc giường bé tí, ấm con gà trống ra vừa hôn hít vừa nựng nịu: « Phải không Marguerite... phải không Marguerite... ». Lòng thấy vui vui pha với ước ao thêm muốn được sống ở địa vị con gà trống, cho bớt cô đơn trong những ngày tuyết

lạnh ở xứ người. Nhìn con gà trống choàng tấm áo len xanh, ủ trong lòng bà gà, rồi nhìn mình với hình ảnh một căn phòng trống lạnh đang chờ, tôi thấy tủi tủi, nhưng vẫn cười vui nói mấy câu góp với bà gà.

Từ đây tôi trở nên quen thuộc, biết ý bà, nên mỗi lúc gặp đều đọc thuộc lòng cái câu xã giao :

— *Madame ! alors, ça va Marguerite ?*

(Chào bà, Marguerite khoẻ chứ ?) Bụng cứ cười thầm, góm, gà trống mà lại mang tên Marguerite, nghĩ nó ngộ ngộ như con trai bên mình mang tên Thúy Liễu hay Lan Hương ấy.

Không mỗi chiều nào tôi không gặp bà gà dẫn con gà trống đi dạo ở công viên. Hôm nào bà về tay không là có chuyện đại biến, đại đề bà sẽ trình trọng kẻ: « Này ông có biết không ? Marguerite nó đau từ đêm hôm qua lúc 4 giờ sáng, nó chẳng ăn uống gì cả, cho thuốc cũng không chịu, khò tôi quá ! tôi vừa đi mời Bác sĩ thú-y đây ... Gặp lúc đang vui bao nhiêu, tôi cũng phải nghiêm mặt lại đề an ủi một câu : « Phiền quá, cầu sao cho nó chóng khỏi ».

Tôi bắt đầu khám phục bà gà từ đây. Ở giữa Ba-lê hoa lệ, con người đùa với cái bề ngoài phù phiếm, gặp được một tâm hồn giản dị, yêu thương súc vật, tôi thấy đó là chuyện hiếm. Thường thường những tâm hồn trong sáng, cao quý vốn là những người giản dị, biết yêu cái đẹp, yêu sinh vật, thiên nhiên. Nên tôi không ngại gì đề không nhìn bà gà dưới khía cạnh này.

Cứ mỗi bận chán ngán về những bạc bẽo trong đời, tôi vẫn niu lấy hình ảnh bà gà đề tự an ủi : đời có kẻ này người khác, cạnh những bi-ô-đi ti tiện vẫn có lắm tâm - hồn cao quý, hồn nhiên. Hình ảnh bà gà hiện trong tôi và sừng sừng như một quả núi chắn lại bao nhiêu gió lốc ; một bà gà với bao nhiêu bà gà nữa, tôi hằng gặp trong hiếm hoi

của cuộc đời. Như những bà già bước mệt nhọc, lết trong đêm lạnh ở một vại ngô văng: Tôi đã tò mò và đã tìm biết với lòng đầy khâm-phục những bà cụ đem mì và sữa cho mèo hoang ăn. Bỏ một đêm, tìm những nẻo vắng có thành hay bờ dậu sắt công-viên, tất thấy cái cảnh âu yếm của những bà cụ, toàn thân là một màu ni đen lù lù dưới ánh đèn điện vàng mệt nhọc, đang chắt lưỡi gọi... meo... meo... Đợi một lúc và tinh mắt lắm mới thấy được cái nỗi vui mừng của họ lúc thoáng một bóng đen nhỏ lao nhẹ xuống bờ thành, ung dung nhìn những bàn tay khằng khiu mở lãn chiếc bị. Đây là những hình ảnh đã thề hiện trong lòng, không bởi một câu nói, một bài diễn văn đông dài, mà bằng cử chỉ, những cử chỉ đầy công lao để nói một phần nào « lòng yêu thương » rộng lớn.

Nhưng rồi một đêm, bao nhiêu tiếng cãi cọ và đập phá vang từ phòng bà gà đến. Tôi hồi hộp lắng nghe và mở cửa muốn sang, song tiếng ồn ào tự bên trong nghe thì nhận tai vẫn chưa đủ sức làm bậc cánh cửa phòng bà gà.

Sáng hôm sau, bà gà trước mắt tôi, là một hiện thân của đau khổ. Tôi ngậm ngùi nhớ đến hình ảnh mẹ tôi trong thời giặc lúc tôi đi tù. Hai màu da, hai đời sống, song cùng một tâm hồn: tâm hồn người đàn bà. Hoa có lắm sắc, lắm hương, lắm lối nở khác nhau, nhưng trong mưa gió vùi dập, mọi cánh hoa đều mang một héo úa phủ phàng tương tự.

Hỏi mãi mới rõ, con gà trống đã chết.

Nó không chết bệnh, chết tật, mà chết vì người ta giết người giết lại không ai xa lạ ngoài ông chồng của bà ta. Thế mới đau đớn. Bà gà nói như nấc:

— Nó là đồ vô nhân đạo, là loài côn trùng hèn hạ mới đang tâm làm cái việc ấy...

Tôi vội nói đỡ lời cho ông chồng:

— Thời chuyện đã qua.. vả nữa, ông than phiền với tôi rằng: lúc ông đau ốm bà chẳng chịu săn sóc gì cả, chỉ

lo cho Marguerite thôi, chuyện nhà bà hầu như quên lãng, thế nên lành bệnh, ông mới bực mình mà làm thế..

Bà gà hậm hực lớn tiếng cãi với tôi :

— Ô, nó là đồ mất dạy, đau thì vát xác đến nhà thương người ta lo vừa phải thôi chứ...

Tôi trở về phòng. Lòng thấy bâng khuâng, buồn bã. Cái khâm phục từ lâu đối với bà gà, bỗng thành đinh gai trong trí,

Bề ngoài của cuộc đời nó đánh lừa mình quá thê. Đi sâu vào bên trong, lúc nào cũng chỉ gặp có chua chát và đắng cay. Lòng vướng một tí bi quan dề trong cuộc đời thẳm đen lại. Và tự nhiên thấy mình tro troi như bước trên đường một ngày nắng cháy, cò quánh lại vì thiếu nước, bỗng bắt gặp bên lề lũng lảng một trái cam vàng rực, cuối cùng trên cành cây khằng khi đưa lên trời như van lơn một cơn mưa, vội vớt mình đến hái dề cuối cùng chỉ tìm được vài con sâu queo trong lòng cam cạn nước.

Phiền quá, một bà già thương một con gà dề đến quên yêu chồng. Tôi cứ bực bội mãi về điều này, lâu mới dịu xuống khi tìm được câu giải đáp rất thường tình : đời là thế ! Ví như những nơi người ta lập « hội bảo trợ súc vật », ai vô ý làm thiệt mạng mèo, chó .. hay làm chúng đau ốm, đổ mà tránh khỏi phải ra tòa, hay phạt vạ ; trong khi hằng nghìn nhân mạng hóa bụi ở Hiroshima, hay hằng triệu con người bị đày ải, áp bức, chém giết trên quả đất, không hề nghe « hội bảo trợ người » nào lên tiếng cả, có chăng chỉ là những động nói yếu ớt lảng vãng trong gió vào buổi trời hung dữ.

Con gà trống sống dề gìn giữ một mình cái yêu thương đến quá độ của một người và dề khổ cho một người. Con gà trống chết đi chỉ dề há dạ cho một người và đau khổ cho một người. Thế nên cái sống chết của con gà trống không thay đổi được gì cả.

Đến bao giờ nghĩa yêu thương sẽ giản dị và thường tình như nước của sông, hồ, biển, suối mãi chuyển luân cho cuộc sống của loài người ?

Paris, 1957



## TRONG ĐÊM VÀNG

**D**òng tư-tưởng triền-miên và im lặng,

Đêm vàng, nhà ai có bóng đèn?

Đèn sáng, ôi tâm-hồn nhẹ hẳn

Đã qua rồi ngục tối, đêm đen.

Trong đêm vàng, quên rồi ranh giới

Tâm-tư về không thấy thời-giáp.

Thoáng hiện ngày xanh tràn khắp lối,

Giếng óc tim dâng điệu nhịp nhàng.

Trong đêm vắng, khi hồn thoát xác,  
Đem tiềm-thức phản-chiếu thân mình ;  
Vú - trụ con người cao bát ngát,  
Vô tình sống giữa bề tâm-linh.

Ngàn gió lạnh không lay thân vững,  
Yên lặng rồi, kiếm tỏa mây tan.  
Luân - hồi xoay chuyển thôi điều đứng,  
Trăng sáng, chuông đêm ngân dịu dàng.

HUYỀN - KHÔNG

Danh từ :

# Phật-Giáo

(Kinh A-Di-Đà)

ĐOAN-HẠNH trích dịch

(tiếp theo)

**Thất Bồ-Đế-phần.** — bảy phần giác ngộ, cũng có chỗ gọi là Thất-giác-chi :

a) **Trạch-pháp-giác-phần.** — phần giác ngộ biết chọn pháp. Khi quan sát các pháp biết chọn lấy pháp chân chính, không lăm với mọi pháp hư huyễn, tà uý.

b) **Tinh-tiến-giác-phần.** — phần giác ngộ tinh tiến. Biết tu hành tinh tiến theo pháp chân chính đã chọn lựa, không lăm với mọi pháp tu khổ hạnh vô ích.

c) **Hỷ giác phần.** — phần giác ngộ vui mừng. Biết mình được pháp chân chính mà tu hành nên vui mừng.

d) **Trừ-giác-phần.** — phần giác ngộ đoạn trừ (Có chỗ cũng gọi là Khinh-an-giác phần) Biết trừ bỏ mọi phiền não của thân, miệng và ý, giữ được thiện căn chân-chính ôn-hòa.

e) **Xã-giác-phần.** — phần giác ngộ liã bỏ. Biết rõ những cảnh hư huyễn không phải là thực có mà bỏ hẳn đi, vĩnh viễn không nhớ đến nữa.

g) **Định-giác-phần.** — phần giác ngộ chính định. Khi tâm mình đã phát ra được mọi Thiền-định, nên giác ngộ rằng những cảnh hiện ra trong định ấy cũng chỉ là hư dối, không sinh lòng say đắm.

h) **Niệm-giác-phần.** — phần giác-ngộ chính-niệm. Khi mình tu đạo xuất thế, phải khiến cho lúc nào Định và Tuệ cũng ngang nhau. Nếu tâm mình bị chìm đắm, hôn mê (định không tuệ) phải nhớ niệm ngay đến 3 phần giác-ngộ : Trạch-pháp, Tinh-tiến và Hỷ để quan sát mà làm cho tâm phần khởi lên. Hoặc trái lại, tâm mình bằng bột, náo động, (tuệ không

định) phải nhớ niệm ngay đến 3 phần: Trừ, Xả, và Định để nhiếp trì cái tâm lại, làm cho tâm được điều hòa, thích trung, đủ cả định tuệ.

**Bát-thánh đạo-phẩm.** — Cũng nói là Bát-chính-đạo: tám đạo Thánh hay tám đạo chính, tiếng Phạn là: Aryamarga:

a) **Chính kiến.** — thấy biết chân chính. Thấy rõ diệu lý Tứ-đề và các hạnh-tu vô lậu.

b) **Chính tư-đuy.** — suy nghĩ chân chính. Dùng trí-tuệ suy nghĩ luôn luôn đến chính lý.

c) **Chính ngữ.** — lời nói chân-chính. Giữ gìn khẩu nghiệp chỉ nói lời chính đáng ứng hợp với chính lý, trừ diệt hẳn các thứ vọng ngữ.

d) **Chính nghiệp.** — sự nghiệp chân chính. Chỉ làm những sự nghiệp trong sạch chính đáng, trừ diệt hết mọi tà nghiệp như sát, đạo, dâm v.v..

e) **Chính mệnh.** — mạng sống chân chính. Dùng trí-tuệ soi sáng cho đời sống được trong sạch, chính đáng, trừ diệt hết mọi lối sống tà nguy, tội lỗi.

g) **Chính tinh tiến.** — tinh tiến chân chính. Tinh chuyên trong mọi việc làm chân chính để tiến thẳng tới cảnh giới Niết-bàn, giải thoát.

h) **Chính niệm.** — nhớ nghĩ chân-chính. Dùng trí tuệ nghĩ nhớ luôn luôn đến đạo pháp chân chính, không lúc nào lãng quên.

i) **Chính định.** — thiền định chân chính. Dùng trí-tuệ giữ gìn tâm yên lặng, không hề vọng động, luôn luôn ứng hợp với chính lý, quyết định không đổi dời.

**Như thị đẳng pháp.** — ngoài các pháp của 37 phẩm trợ đạo trên đây, còn nhiều các pháp khác nữa như: Tứ-nhiếp pháp, Lục-độ, Nhập-lực, Tứ-vô-sở-úy v.v..

**Vô tam ác đạo.** — Cõi lực-lạc không có 3 đường ác: địa-ngục, ngã-quỷ, súc-sinh. Nghĩa là các loài chim như Bạch-hạt, Khổng-tước v.v... là do đức-Phật A-di-Đà biến hóa ra để diễn nói các Pháp nhiệm mầu như 37 phẩm trợ-đạo kể trên cho chúng sinh ở cõi cực lạc nghe, chứ không phải thực có các loài súc sinh ấy.

(còn tiếp)



# TIN TỨC

## TIN TRONG NƯỚC

### VIỆC ĐẠI TRÙNG - TU TỒ-ĐÌNH BẢO-QUỐC:

Tồ-đình Bảo-Quốc kiến-thiết từ năm 1735 đời Vĩnh-Hữu nhà Lê. Tồ-đình ấy, từ lâu là nơi rất quan-trọng đối với việc đào tạo Tăng tài cho Phật-giáo. Vừa rồi vì hư sụp, Tồ đình ấy đã được triệt hạ để đại trùng tu. Đề Phật-tử biết rõ việc đại trùng tu này, chúng tôi xin đăng nguyên văn biên bản sau đây. Kèm theo biên bản, chúng tôi cũng xin công bố bức thư của ban Quản trị Tồ-đình Bảo Quốc kính gửi các Ngài và các Thầy trong Giáo-hội Tăng-già Thừa-thiên và các chi phái thuộc môn phái Bảo-Quốc, để kêu gọi ủng hộ việc đại trùng tu.

### BIÊN - BẢN

Buổi họp của Giáo-hội Tăng già Thừa-thiên môn phái Tồ đình Bảo-Quốc để bàn về việc trùng - tu Tồ-đình Bảo - Quốc, ngày 26/7/ Đinh Dậu, lúc 9 giờ mai.

### HIỆN - DIỆN

I — Ban Trị-sự Giáo hội Tăng già Thừa-thiên: Thầy Chánh Trị-sự, Thầy Phó Trị-sự, Thầy Chánh Thư ký, Thầy Phó Thư ký, Thầy Tuần Chủng.

II — Các Ngài, các Thầy trong môn phái: Hòa-thượng Hải-Đức, Hòa-thượng Thuyền Tôn, Hòa-thượng Tường-Vân, Hòa-thượng Tây Thiên, Hòa-thượng Từ-Hiếu và Hòa thượng Vạn-Phước. Thầy Linh - Mục, thầy Trúc-Lâm, thầy Bảo-Quốc, thầy Linh - Quang, thầy Thiên - Hưng, thầy Mật-Sơn, thầy Chánh-Kiến, thầy Phổ - Quang, thầy Thanh - Tri, thầy Từ-Quang, thầy Quang Diệp, thầy Phước-Điền, thầy Châu-Tri.

## CHƯƠNG - TRÌNH NGHỊ - SỰ

1 — Thầy Trưởng ban Quản-trị Tồ-đình Báo-Quốc triệu-lập hội đồng ban Trị sự Giáo hội Tăng-già Thừa Thiên và các Ngài, các Thầy trong ba môn phái Báo - Quốc đề trình bày ngôi chùa Báo - Quốc hiện bị hư nát, cần phải đại trùng-tu lại. Việc này được toàn thể hội đồng chấp thuận.

2 — Các Ngài và các Thầy trong ba môn phái đều thỏa thuận uỷ quyền cho toàn ban Quản-Trị chùa Báo - Quốc phụ trách công việc trùng tu, và ba môn phái xin triệt đề ủng-hộ. Ban Quản trị nhận lời.

3 — Về tài chánh đại trùng tu này, theo bản dự trù của các nhà kiến trúc phải trên dưới một triệu đồng. Vậy ngoài sự triệt đề ủng-hộ của ba môn phái và sự tận lực của ban Quản-trị, nếu thấy thiếu, ban Quản-trị được quyền di-dịch một phần nửa ruộng của chùa, bất cứ ở địa-phương nào, để lo công việc đại trùng-tu này.

4 — Công việc đại trùng-tu này, ban Quản-trị xin kiến-trúc hoàn toàn như cũ, chỉ thêm một cái Tiên-đường và hai lầu chuông, trống, và thay vì sân gỗ bằng xi-măng cốt sắt. Toàn thể hội-đồng chấp-thuận.

5 — Trong việc trùng tu này, ban Quản trị đề nghị: Xin mời Đạo-hữu Tôn-thất-Tùng chỉ dẫn, Đạo-hữu Trần-quan-Yến Kiến trúc-sư họa đồ và các Đạo-hữu chuyên môn giúp việc về nề, mộc. Toàn thể hội-đồng hoan hỷ chấp-thuận.

6 — Tài chánh và thủ-quỹ của Ban Quản trị đại trùng-tu chùa Báo - Quốc thì toàn thể hội đồng uỷ thầy Thanh-Tri phụ-trách và Thầy đã hoan-hỷ nhận lời.

7 — Toàn-thể Hội đồng ấn-định ngày 26 tháng 7 năm Đinh-dậu bắt đầu triệt-hạ và khởi công.

Buổi họp bế - mạc lúc 10 giờ 30.

NAY BIÊN - BẢN

Toàn-thể Hội - đồng ký tên.

PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

*Phật-lịch : 2.501 Huế, ngày 14 tháng 12 năm 1957*

**BAN QUẢN-TRỊ TỔ-ĐÌNH BÁO-QUỐC**

Kính đệ liệt vị Hòa-Thượng,  
Quý Giáo-Hội Tăng Già Thừa-Thiên.  
Kính gửi quý vị Đại-Đức trong các Môn-phái  
Tổ-Đình Báo-Quốc.

**NAM - MÔ A - DI - ĐÀ - PHẬT**

*Kính quý Ngài,*

Chiếu biên-bản Hội-đồng của ban Trị-Sự Giáo-Hội Tăng-Già Thừa-Thiên và các Chi-phái thuộc Tôn-phái Tổ-đình Báo-Quốc vào ngày 26-7 Đinh-Dậu đề ấn-định việc trùng-tu Chùa Báo-Quốc, thỏa thuận ủy-nhiệm công việc trùng-tu cho toàn ban Quản-Trị chúng tôi phụ-trách, với sự ủng-hộ triệt-đề của quý Ngài trong các Môn-phái thuộc Tổ-đình.

Chúng tôi xin trình công việc trùng-tu đề quý Ngài và quý Thầy rõ: công việc kiến-thiết đã được một nửa, với số tiền trên nửa triệu (bị chú: số này của Chùa chỉ có hai trăm ngàn, còn trên ba trăm ngàn vay mượn của Bồn-đạo).

Như vậy là chúng tôi đã tận lực hoạt động theo sự ủy-nhiệm của quý Ngài. Nhưng hiện nay sự vay mượn không thể có được nữa.

Vậy chúng tôi kính bạch lên quý Ngài rõ, và tha thiết trông mong sự ủng-hộ của quý Ngài để công việc trùng-tu Tổ-đình được thập phần viên-mãn.

Kính mong quý Ngài hoan-hỷ.

Kính chúc quý Hòa-Thượng, quý Đại-Đức Đạo-thể khương-an.

*Kính*

Ban Quản-trị Tổ-Đình Báo-Quốc,

Thích VĨNH THỪA, Thích MẬT-HIỂN, Thích TRÍ-THỦ.

## TIN THẾ GIỚI

**Thái-lan.** — Trong 3 tháng au-cư năm nay, tại Thái-lan người ta đến xin làm lễ thế độ xuất gia theo Phật đến 3 vạn người, trong số có các vị Tư-lịnh Pháo-binh Kỳ-binh và Sĩ-quan, binh sĩ Hải, Lục, Không-quân đến tham dự một cách nhiệt-lệ

**Népal.** — Trường Phật Giáo Đại-học ở đây đã kiến lập tại miền rừng Đồ-nhã, ngày đặc viên đá đầu tiên có Quốc-vương nước Népal thân - hành đến chủ lễ.

Các vườn Lam-tỳ Ny (gần nước Ca-tỳ-la-vệ) chỗ Đức-Thích tôn dẫn sanh, gần đây lại phát hiện 2 cột trụ đá của vua A-Dục. Đó là một vật rất giá trị của lịch-sử Phật-giáo mà học-giả Thế-giới đều chú trọng.

**Anh.** — Tại Đại-học-đường Nguu-tân, gần đây có tổ-chức một Hội-xã Phật-học, Hội-viên hơn 40 người, do một học sanh 20 tuổi giữ chức Bí-thư. Người đề xướng ra Hội-xã này là ông A. Tur-lai-ma-Đĩa, người Tích-lan, hiện làm Chương-qui Đại-học-đường Nguu-tân. Theo ông tuyên bố thì Hội-xã này không có ý muốn buộc các Giáo-phái khác theo Phật-giáo, mà chỉ chú ý truyền bá Phật-giáo rộng rãi thôi.

**Mỹ-quốc.** — 350 Phật-giáo đồ ở Cựu-Kim-Son đã mua được một khoảnh đất để lập Phật-giáo-đường. Định danh là « Giáo-đường Hiệp-hòa Phật-Giáo », một bên có lập vườn hoa theo kiểu đông-phương, giữa có trồng 1 cây bồ-đề đem lại từ chỗ Phật thành Đạo ở Ấn-Độ.

**Đài-bắc.** — Pháp-sư Tỳ-kheo Suman-gaco và J. ở Wagner vừa rời đến thuyết pháp tại Tân-thành. Hai-vị này đều là quốc-tịch Mỹ, đã tốt-nghiệp trường Đại học, lại là Thầy, trò. Gia-đình họ đều theo Cơ-Đốc-Giáo, chỉ 2 vị này chuyển tín xuất gia theo Phật.

**Tân-gia-ba.** — Chánh-phủ Tân-gia-ba vì thấy tư tưởng lãng mạn của thanh-niên học sinh đã làm phong hóa suy đồi, nên đã thiết lập « Tâu-giáo uỷ viên hội » gồm có nhiều Giáo-phái, do bộ giáo-duc chủ-trì.

Qua năm sau họ sẽ đem giáo nghĩa chủ yếu giảng dạy cho học-sinh các trường.

**Thái-lan.** — Pháp-sư Phồ-quang và cư-sĩ Tạ-phồ - Hoa-Kiều ở Thái, do nhiệt tâm hưởng-ứng của tín đồ Phật-giáo, đã chụp ảnh và in xong



bộ kinh Kim-cang của 53 nhà Chú-giải Triều-Minh (Vĩnh-lộc). Bộ kinh này đã giao cho Loug hoa Phậ'-giáo xã tổng tặng. Các đoàn thể Phật-giáo ai muốn thỉnh kinh hay mượn ấn-bản đều hoan-nghinh cả.

**Phi-luật-tân.** — Tại chùa Hoa Tạng, thị trấn Mã-Ny-Lạp, Pháp-sư Tánh-nguyên có thiết lập một Đồ-thợ-quán, thâu thập rất nhiều sách vở, báo chí, của Phật-giáo để cho du khách đến xem. Mục-đích Thơ-quán này là muốn cho Phật-pháp được phổ-biến và đi sâu vào xã-hội vậy.

**Anh-quốc.** — Bác-sĩ Christmas Hampbry, Hội-trưởng hội Phật-giáo Luân-đôn là một người có danh tiếng trong Phật-giáo quốc tế, mỗi lần Đại-hội Hội Thế-giới Phật-giáo Hữu-nghị, ông đều đăng đàn diễn thuyết. Nay ông mới trước tác một quyển sách nhan-đề Wokon mà nhân-sĩ ở Luân-đôn rất hoan-nghinh. Xét sách Wokon có nghĩa là «Tái-lần» là đi tới, để hình dung đi tới với Phật-lý không có dừng, Tới và tới mãi không bao giờ cùng, và ý-ngĩa không bao giờ hết.

## Lời thanh minh

Vừa rồi ở Sài-Gòn có xuất-bản một tập sách nhan đề là: «**Tim hiểu vũ-trụ nhân sanh**» của tác-giả Vương-quốc-Đạt, có một bài giới-thiệu đề tên là Giảng-Sư Minh-Châu, làm cho một số Phật-tử ngạc-nhiên, tưởng lầm là Thầy Thích Minh-Châu biên tập-viên chính thức của bản báo, nên đến hỏi chúng tôi. Chúng tôi đã biên thư qua Phật-Học-Viện Nalanda tại Ấn-Độ hỏi Thầy Thích Minh-Châu, Thầy trả lời cho biết là: Thầy không bao giờ hạ bút giới-thiệu cho một tập sách như vậy, đó là trùng tên Minh-Châu mà thôi.

**LIÊN - HOA**